

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 417/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huỳnh

2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2018/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1082/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1987/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Margaretengurtel 74-74A/1/11, Áo.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Việt Đ, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: 56/9 L, Phường Q, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị Ngọc T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/10/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Việt Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 1499, Quyền số 08 ngày 19/6/2015. Sau khi kết hôn được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến gia đình không còn

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng gây ảnh hưởng đến tinh thần của hai bên. Bà xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc cho nhau trong thời gian dài và bà đang sinh sống tại Áo, còn ông Đ thì sinh sống tại Việt Nam nên rất khó có thể đoàn tụ. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có. Do bận việc bà đề nghị được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là ông Đỗ Việt Đ đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng ông Đ vắng mặt.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Đ có mặt, còn bà Trâm vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Đỗ Việt Đ trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà T về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có là đúng. Bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà T. Hiện nay bà T có giữ các giấy tờ tùy thân của ông, gồm Visa và Sổ hộ chiếu... ông đề nghị Tòa án giúp ông yêu cầu bà T trả lại cho ông những giấy tờ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận thấy bà T và ông Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn hiện đang cư trú tại Áo nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn ông Đỗ Việt Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà T cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của bà) và lời trình bày của ông Đ tại phiên tòa thì sau khi kết hôn hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được và hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Bà T yêu cầu ly hôn ông Đ và ông Đ đồng ý ly hôn với bà. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Trâm và ông Đ.

Ông Đ đề nghị Tòa án liên hệ với bà T để yêu cầu bà T trả lại các giấy tờ tùy thân cho ông. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này của ông Đ không liên quan đến nội dung vụ án, ông Đ cho rằng bà T giữ giấy tờ cá nhân của ông thì ông có thể tự liên hệ với bà T để yêu cầu trả lại hoặc khởi kiện bằng vụ án khác. Do đó, đối với yêu cầu của ông Đ, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Đỗ Việt Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Lê Thị Ngọc T chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Ngọc T và ông Đỗ Việt Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 1499, Quyển số 08 ngày 19/6/2015 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lê Thị Ngọc T và ông Đỗ Việt Đ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lê Thị Ngọc Trâm (Lê Thị Ngọc Trâm) và ông Đỗ Việt Đức xác định không có, Tòa không xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Lê Thị Ngọc T chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà T đã đóng tạm ứng án phí theo

biên lai thu số AA/2017/0045529, ngày 29/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Bà Lê Thi Ngoc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Ông Đỗ Việt Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Cao